TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị T

2. Ông Phạm Văn T.

- Thư ký Phên tòa: Bà Lại Thị Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia Phên tòa: Bà Dương Thị Kim C- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXX ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1985

Địa chỉ: Phố 5, phường Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái Đ – Sinh năm 1982

HKTT: Phố 5, phường Đ, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại đội, phân trại số 01, trại giam Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Bình.

Tại Phên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái Đ kết hôn với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phố 5, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác anh Đ còn không tu trí làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị cũng như gia đình hai bên khuyên bảo anh Đ

nhưng không có kết quả, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2022 anh Đ vi phạm pháp luật, hiện đang phải chấp hành án tại đội, phân trại số 01, trại giam Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Bình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên là Nguyễn Nhất P – sinh ngày 13/8/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trường A – sinh ngày 16/12/2009. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trường A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai anh Nguyễn Thái Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa trên tinh thần tự nguyện. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân anh nhiều lần vi phạm pháp luật, không mang lại hạnh phúc gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên cô N làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Nhất P – sinh ngày 13/8/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trường A – sinh ngày 16/12/2009. Do hiện anh đang đi chấp hành án, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con, nên anh đồng ý để chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường A, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại anh đang phải chấp hành án, nên anh xin được vắng mặt tại Pên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại Pên tòa.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Trường An có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Thị N.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Nguyễn Thái Đ và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không tu trí làm ăn, sa vào tệ nạn xã hội và có vi phạm pháp luật, hiện đang phải đi chấp hành án tại trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình từ năm 2022; Về con chung: Anh Đ và chị N có 02 con chung là Nguyễn Nhất P – sinh ngày 13/8/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trường A – sinh ngày 16/12/2009, hiện nay cháu An đang ở với chị N. Về tài sản công nợ của anh chị địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại Pên tòa vắng mặt anh Đ. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đ diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng vắng mặt nên đề nghị

Tòa án căn cứ vào Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thái Đ có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thái Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 BLTTDS để xét xử.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thái Đ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, nay là phường Đ1, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, có trách nhiệm với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị N, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh Đ, chị N sinh sống thể hiện: vợ chồng chị N anh Đ mâu thuẫn đã kéo dài từ trước thời gian anh Đ đi chấp hành án. Nguyên nhân là do anh Đ không tu trí làm ăn, ham chơi, mặc dù được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống một thời gian dài sống xa cách, không quan tâm nhau. Khi chị N làm đơn xin ly hôn, anh Đ đồng ý vì vợ chồng không có hạnh phúc. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Thái Đ.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung tên là Nguyễn Nhất P – sinh ngày 13/8/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trường A – sinh ngày 16/12/2009. Hiện nay cháu A đang ở với chị N, Chị N có công việc và thu nhập ổn định, nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đảm bảo về mọi mặt. Bản thân anh Đ đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu A vì anh đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi dưỡng và cấp dưỡng cháu A. Mặt khác, cháu A có nguyện vọng được ở với chị N. Do vậy, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với cả nguyện vọng của chị N, anh Đ và cháu A, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thái Đ.

Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Nhất P – sinh ngày 13/8/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trường A – sinh ngày 16/12/2009 là con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thái Đ. Giao cháu Trường A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002041 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, Chị N đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Đông Cương, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA

(đã ký)

Trương Thị Q

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa**
Nguyễn Thị Huệ	Phạm Văn Hào
Nguyễn Thị Thưởng	